

Số: 366 /QĐ-UBCK

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-BTC ngày 23/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Vụ, Văn phòng và Cơ quan đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài vụ Quản trị, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thẩm quyền hướng dẫn cơ chế, chính sách và ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức:

1. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN):

1.1. Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung phù hợp với đặc thù của ngành để thống nhất thực hiện tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBCKNN (gọi tắt là các đơn vị thuộc UBCKNN).

1.2. Ban hành định mức trang bị và sử dụng tài sản đặc thù (số lượng, giá trị, thông số kỹ thuật...) đối với các loại tài sản đặc thù theo danh mục do Bộ

trưởng Bộ Tài chính quy định để thống nhất thực hiện trong các đơn vị thuộc UBCKNN.

Các văn bản nêu trên phải gửi Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch - Tài chính hoặc Cục Tin học và Thống kê tài chính đối với lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin) để kiểm tra, giám sát và quản lý.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc UBCKNN:

Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện thống nhất trong đơn vị, đảm bảo phù hợp với chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Bộ Tài chính, UBCKNN ban hành và phù hợp với đặc thù của đơn vị, đồng thời phải gửi UBCKNN để kiểm tra, giám sát và quản lý.

Điều 2. Thẩm quyền phê duyệt chiến lược, đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch mua sắm tài sản:

1. Chủ tịch UBCKNN:

1.1. Phê duyệt chiến lược, đề án, dự án, chương trình hành động tổng thể, dài hạn, 05 năm của UBCKNN và của các đơn vị thuộc UBCKNN đảm bảo phù hợp với chiến lược, đề án, dự án, chương trình hành động của Bộ Tài chính đã được Bộ trưởng phê duyệt.

1.2. Phê duyệt kế hoạch (vốn đầu tư và danh mục dự án) đầu tư hàng năm đối với các dự án đầu tư và các dự án cải tạo sửa chữa của các đơn vị thuộc UBCKNN (trừ các dự án đầu tư có tổng mức vốn đầu tư từ 2.000 triệu đồng trở lên và các dự án cải tạo sửa chữa làm tăng quy mô có tổng mức vốn đầu tư từ 2.000 triệu đồng trở lên).

1.3. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm hàng năm đối với các tài sản của các đơn vị thuộc UBCKNN (trừ các tài sản là xe ô tô các loại, các tài sản đặc thù chưa được cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức trang bị và các tài sản cố định có giá trị dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản).

1.4. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm đối với nội dung mua sắm nhỏ lẻ, thay thế, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị: máy chủ và các trang thiết bị đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh và bảo mật thông tin của các đơn vị thuộc UBCKNN.

Các văn bản phê duyệt nêu trên phải gửi Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để kiểm tra, giám sát và quản lý.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc UBCKNN:

2.1. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm hàng năm đối với các tài sản cố định của đơn vị có giá trị dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản.

2.2. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm đối với nội dung mua sắm nhỏ lẻ, thay thế, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị của đơn vị (trừ nội dung quy định tại mục 1.4, Khoản 1 Điều này).

2.3. Phê duyệt danh mục dự toán mua sắm công cụ, dụng cụ; sửa chữa, thay thế, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị của đơn vị.

Các văn bản phê duyệt nêu trên phải gửi UBCKNN để kiểm tra, giám sát và quản lý.

Điều 3. Về lĩnh vực quản lý tài chính:

1. Chủ tịch UBCKNN:

1.1. Xây dựng báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của UBCKNN báo cáo Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch - Tài chính) xem xét, quyết định.

1.2. Phân bổ dự toán ngân sách của UBCKNN cho các đơn vị thuộc UBCKNN trên cơ sở dự toán được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao.

1.3. Giao dự toán, điều chỉnh dự toán cho các đơn vị dự toán thuộc UBCKNN. Dự toán giao theo các nội dung chi sau:

- a. Vốn đầu tư xây dựng Nhà nước giao
- b. Dự toán chi thường xuyên, giao thực hiện tự chủ
- c. Dự toán chi hỗ trợ đầu tư xây dựng
- d. Dự toán chi cải tạo, sửa chữa lớn
- đ. Dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin
- e. Dự toán chi mua sắm tài sản
- f. Dự toán chi nghiệp vụ chuyên môn đặc thù
- g. Dự toán chi đoàn ra
- h. Dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức
- i. Dự toán chi nghiên cứu các đề tài khoa học
- j. Dự toán chi khác (ngoài các nội dung dự toán trên)

1.4. Lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của UBCKNN để báo cáo Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch - Tài chính) xem xét, thẩm định.

Vụ Tài vụ Quản trị có nhiệm vụ tổng hợp, thẩm định trình Chủ tịch xem xét, phê duyệt, quyết định những nội dung trên.

2. Ủy quyền cho Vụ trưởng Vụ Tài vụ Quản trị:

2.1. Cung cấp hồ sơ, tài liệu phân bổ dự toán ngân sách của UBCKNN cho Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để thực hiện nhập số liệu phân bổ dự toán của UBCKNN đối với các đơn vị dự toán thuộc UBCKNN vào hệ thống Tabmis.

2.2. Ký thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm đối với các đơn vị dự toán thuộc UBCKNN sau khi được Chủ tịch xem xét, phê duyệt.

3. Thủ trưởng đơn vị thuộc UBCKNN:

Thực hiện xây dựng dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính, UBCKNN.

Điều 4. Về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng:

1. Chủ tịch UBCKNN:

1.1. Quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án nhóm C, các dự án cải tạo sửa chữa.

1.2. Thẩm định và tổng hợp quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo niên độ ngân sách hàng năm của các Chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Bộ Tài chính (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) theo quy định.

Vụ Tài vụ Quản trị thẩm định, tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định các nội dung nêu trên. Đối với các dự án đầu tư xây dựng có các hạng mục liên quan đến công nghệ thông tin: Vụ Tài vụ Quản trị chủ trì thẩm định sau khi có ý kiến của Cục Công nghệ Thông tin về lĩnh vực công nghệ thông tin.

2. Chủ đầu tư:

2.1. Các đơn vị thuộc UBCKNN là Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBCKNN quyết định đầu tư.

2.2. Đối với các dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBCKNN chưa xác định được Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật, Chủ tịch UBCKNN quyết định Chủ đầu tư.

2.3. Chủ đầu tư phải báo cáo UBCKNN về quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo niên độ ngân sách hàng năm theo quy định.

Điều 5. Về lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước:

1. Chủ tịch UBCKNN:

1.1. Quyết định việc mua, nhận chuyển giao quyền sử dụng đất (hoặc trụ sở làm việc) theo chủ trương đã được Bộ trưởng phê duyệt.

1.2. Quyết định thuê và thuê bổ sung trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của các đơn vị thuộc UBCKNN theo đúng quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính về thuê trụ sở làm việc.

1.3. Quyết định thuê tài sản khác có giá trị hợp đồng từ 100 triệu đồng trở lên phục vụ hoạt động của các đơn vị thuộc UBCKNN theo đúng quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính về thuê tài sản khác.

1.4. Quyết định thu hồi tài sản (trừ nhà, đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thu hồi dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị thuộc UBCKNN do sử dụng không đúng mục đích, không có nhu cầu sử dụng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của Nhà nước, của Bộ Tài chính và của UBCKNN.

1.5. Quyết định điều chuyển các tài sản là động sản giữa các đơn vị thuộc UBCKNN.

1.6. Quyết định bán tài sản là động sản (trừ xe ô tô các loại) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bán dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị thuộc UBCKNN.

1.7. Quyết định thanh lý tài sản nhà nước là nhà, công trình xây dựng khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị thuộc UBCKNN (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng khác trên khuôn viên đất mượn của địa phương do không còn nhu cầu sử dụng để trả lại đất cho địa phương) trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

1.8. Quyết định thanh lý xe ô tô các loại của các đơn vị thuộc UBCKNN bị hư hỏng, hết niên hạn sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng mà không thể điều chuyển trong các đơn vị thuộc UBCKNN.

1.9. Được Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền:

a. Quyết định giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc UBCKNN trên cơ sở kết quả xác định giá trị tài sản nhà nước theo quy định.

b. Quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc UBCKNN để liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính (Cơ quan quản lý Nhà nước).

Vụ Tài vụ Quản trị có nhiệm vụ thẩm định các nội dung nêu trên, trình Chủ tịch xem xét, quyết định phê duyệt. Đối với các tài sản vượt thẩm quyền xử lý của Chủ tịch, Vụ Tài vụ Quản trị chịu trách nhiệm thẩm định trình Chủ tịch để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc UBCKNN:

2.1. Quyết định thuê tài sản khác có giá trị hợp đồng dưới 100 triệu đồng phục vụ hoạt động của đơn vị theo đúng quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính về thuê tài sản khác.

2.2. Quyết định thanh lý tài sản là động sản (trừ xe ô tô các loại) của đơn vị bị hư hỏng, hết niên hạn sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng mà không thể điều chuyển cho đơn vị khác.

3. Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng thuộc UBCKNN quyết định thanh lý, phá dỡ nhà cửa, vật kiến trúc trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Thủ trưởng đơn vị thuộc UBCKNN quyết định thanh lý nhà cửa, vật kiến trúc theo quy hoạch của cấp có thẩm quyền hoặc bị hư hỏng do thiên tai gây ra.

Điều 6. Về lĩnh vực kiểm tra, kiểm toán nội bộ:

1. Chủ tịch UBCKNN:

1.1. Phê duyệt kế hoạch chi tiết kiểm tra, kiểm toán nội bộ hàng năm của các đơn vị thuộc UBCKNN theo kế hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

1.2. Quyết định kiểm tra, kiểm toán nội bộ đột xuất các đơn vị, cá nhân trong các đơn vị thuộc UBCKNN.

1.3. Ban hành thông báo kết quả kiểm tra, kiểm toán đối với các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán nội bộ do UBCKNN tổ chức thực hiện.

Vụ Tài vụ Quản trị có nhiệm vụ xây dựng, tổng hợp, tham mưu đề xuất trình Tổng cục trưởng xem xét, thực hiện các nội dung nêu trên.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc UBCKNN thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ hàng năm tại đơn vị theo quy định.

Điều 7. Về lĩnh vực quản lý ứng dụng công nghệ thông tin:

1. Chủ tịch UBCKNN:

1.1. Quyết định đầu tư theo uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B, nhóm C của các đơn vị thuộc UBCKNN, phù hợp với chủ trương đầu tư đã được Bộ trưởng phê duyệt.

1.2. Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị thuộc UBCKNN.

Cục Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, trình Chủ tịch xem xét, quyết định các nội dung nêu trên.

1.3. Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại mục 1.1 Điều này. Vụ Tài vụ Quản trị chủ trì thẩm tra trình Chủ tịch xem xét, quyết định.

2. Chủ đầu tư dự án ứng dụng công nghệ thông tin:

2.1. Cục Công nghệ Thông tin là Chủ đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Chủ tịch quyết định đầu tư theo uỷ quyền.

2.2. Trường hợp Cục Công nghệ Thông tin không đủ điều kiện về tổ chức, nhân lực hoặc do mục tiêu, yêu cầu, tính chất của dự án và các điều kiện cần thiết khác: Chủ tịch lựa chọn đơn vị hoặc tổ chức thuộc UBCKNN có đủ điều kiện làm Chủ đầu tư. Chủ đầu tư dự án không được đồng thời là đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ thẩm định dự án.

2.3. Trường hợp không xác định được Chủ đầu tư theo quy định trên: Chủ tịch có thể uỷ thác cho đơn vị, tổ chức không thuộc UBCKNN có đủ điều kiện làm Chủ đầu tư.

Điều 8. Về lĩnh vực đấu thầu:

1. Thẩm quyền quyết định và phê duyệt đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng, các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin:

1.1. Cấp quyết định đầu tư:

a. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu đối với các dự án đầu tư do mình quyết định đầu tư.

b. Thành lập Tổ thẩm định đấu thầu (trong trường hợp cần thiết).

c. Thực hiện công việc khác thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền.

1.2. Chủ đầu tư:

a. Phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

- b. Phê duyệt tiêu chuẩn đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.
- c. Phê duyệt kết quả đấu thầu.
- d. Thành lập Tổ thẩm định đấu thầu (trong trường hợp cần thiết).
- đ. Thực hiện công việc khác thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư.

2. Thẩm quyền quyết định và phê duyệt đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin không phải lập dự án và đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác (phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu và kết quả đấu thầu):

2.1. Chủ tịch UBCKNN:

Đấu thầu mua sắm một chủng loại (hoặc nhóm chủng loại) hàng hoá, dịch vụ có danh mục dự toán được duyệt từ 1.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng. Vụ Tài vụ - Quản trị thẩm định trình Chủ tịch xem xét, phê duyệt.

2.2. Thủ trưởng đơn vị thuộc UBCKNN:

Đấu thầu mua sắm một chủng loại (hoặc nhóm chủng loại) hàng hoá, dịch vụ có danh mục dự toán được duyệt dưới 1.000 triệu đồng. Tổ thẩm định đấu thầu trình Thủ trưởng đơn vị phê duyệt.

Điều 9. Về thực hiện mua sắm tập trung:

- 1. Đối tượng mua sắm tập trung:
 - 1.1. Xe ô tô các loại.
 - 1.2. Hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin.
 - 1.3. Máy phát điện.
 - 1.4. In, mua: Ấn chỉ, niêm phong, sách, tài liệu phục vụ tuyên truyền, lịch.
 - 1.5. Trang thiết bị văn phòng (máy photocopy, máy điều hoà nhiệt độ, máy fax, điện thoại, bàn, ghế, tủ).

2. Điều kiện mua sắm tập trung:

Việc mua sắm tập trung các tài sản, hàng hoá, dịch vụ nêu trên phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a. Mua sắm, trang bị đồng bộ, sử dụng chung trong tất cả các đơn vị thuộc UBCKNN.

b. Mua sắm, trang bị đồng bộ cho nhiều đơn vị với tổng giá trị mua sắm lớn và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả hơn so với việc giao cho từng đơn vị thực hiện mua sắm riêng.

3. Việc mua sắm tập trung được thực hiện tại UBCKNN và thực hiện theo Quy chế tổ chức mua sắm tập trung tài sản, hàng hoá, dịch vụ từ ngân sách nhà nước theo phương thức tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 10. Tổ chức thực hiện:

1. Vụ Tài vụ Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu, hướng dẫn, cụ thể hoá các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, UBCKNN; hướng dẫn xử lý các công

việc chuyển giao khi thực hiện quy định phân cấp, uỷ quyền các lĩnh vực quản lý theo đúng các quy định tại Quyết định này.

2. Vụ Tài vụ Quản trị chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Công nghệ Thông tin kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện phân cấp, uỷ quyền các lĩnh vực quản lý của các đơn vị thuộc UBCKNN; kịp thời đề xuất báo cáo Chủ tịch xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp, uỷ quyền trong các lĩnh vực quản lý cho phù hợp.

3. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất phương án báo cáo Chủ tịch về củng cố bộ máy và chất lượng cán bộ, công chức tại các đơn vị thuộc UBCKNN để thực hiện tốt quy định tại Quyết định này.

Điều 11. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2012. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản trước đây trái với quy định tại Quyết định này.

Điều 12. Vụ trưởng Vụ Tài vụ Quản trị, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ Thông tin, Chánh Văn phòng và Thủ trưởng các đơn vị thuộc UBCKNN chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Bộ Tài chính (để BC);
- Lưu: VT, TVQT (2b).



CHỦ TỊCH

Vũ Bằng